

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt văn kiện Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" vay vốn Ngân hàng Thế giới; Quyết định số 3622/QĐ-BNN-HTQT ngày 07/9/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" vay vốn Ngân hàng Thế giới; Quyết định số 3102/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Chương trình "mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả trên địa bàn tỉnh, vay vốn Ngân hàng Thế giới năm 2019; Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung quy định tại Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Tiêu dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 291/TTr-SNN ngày 31/10/2019 về việc trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Báo cáo thẩm định số 1011/BC-SKHĐT ngày 08/11/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn, với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

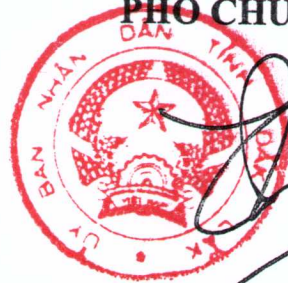
**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận: *vdh*

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, NN&MT;
- Lưu VT, NN&MT (Đg-12b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Y Giang Gry Niê Knơng**



Phụ lục kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
 Công trình: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn  
 (Kèm theo Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh)

| TT | Tên gói thầu                                                                        | Giá gói thầu   | Nguồn vốn                                                                                                                                                | Hình thức lựa chọn nhà thầu       | Phương thức lựa chọn nhà thầu           | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------|---------------|------------------------------|
| I  | Phần công việc không áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu              | 683.011.000    | Vốn vay ngân hàng thế giới (WB) và vốn đối ứng (Theo Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2015 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) | Chí định thầu (quy trình rút gọn) | Đầu thầu rộng rãi trong nước (Qua mạng) | Quý IV/2019                                 | Tròn gói      | 60 ngày                      |
| 1  | Quản lý dự án                                                                       | 427.752.000    |                                                                                                                                                          |                                   |                                         | Quý I-II/2020                               |               |                              |
| 2  | Thăm định HSMT các gói thầu tư vấn                                                  | 15.158.000     |                                                                                                                                                          |                                   |                                         | Quý IV/2019 và Quý I/2020                   |               |                              |
| 3  | Thăm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn                             | 15.158.000     |                                                                                                                                                          |                                   |                                         |                                             |               |                              |
| 4  | Thăm định bảo cáo NCKT                                                              | 5.568.000      |                                                                                                                                                          |                                   |                                         |                                             |               |                              |
| 5  | Thăm định thiết kế và dự toán                                                       | 15.399.000     |                                                                                                                                                          |                                   |                                         |                                             |               |                              |
| 6  | Công tác kiểm tra nghiệm thu                                                        | 111.057.000    |                                                                                                                                                          |                                   |                                         |                                             |               |                              |
| 7  | Thăm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư                                            | 92.919.000     |                                                                                                                                                          |                                   |                                         |                                             |               |                              |
| II | Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu                                     | 28.053.696.000 |                                                                                                                                                          |                                   |                                         |                                             |               |                              |
| 1  | Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn khảo sát thiết kế bản vẽ thi công - dự toán | 8.748.000      |                                                                                                                                                          |                                   |                                         |                                             |               |                              |
| 2  | Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng và thiết bị                      | 79.329.000     |                                                                                                                                                          |                                   |                                         |                                             |               |                              |
| 3  | Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn giám sát                                    | 4.477.000      |                                                                                                                                                          |                                   |                                         |                                             |               |                              |
| 4  | Gói thầu tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công                              | 1.072.020.000  |                                                                                                                                                          |                                   |                                         |                                             |               |                              |

| TT | Tên gói thầu                                                                             | Giá gói thầu   | Nguồn vốn                                                                                                                                                | Hình thức lựa chọn nhà thầu             | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng                 |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------|
| 5  | Gói thầu giám sát công tác khảo sát                                                      | 19.806.000     | Vốn vay ngân hàng thế giới (WB) và vốn đối ứng (Theo Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2015 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn)       |                               | Quý IV/2019 và Quý I/2020                   | Trộn gói      | 60 ngày                                      |
| 6  | Thăm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán                                             | 81.501.000     |                                                                                                                                                          |                                         |                               | Quý I-II/2020                               |               | 20 ngày                                      |
| 7  | Bảo hiểm công trình                                                                      | 54.007.000     |                                                                                                                                                          |                                         |                               |                                             |               | Theo tiến độ thực hiện công trình + 12 tháng |
| 8  | Lập kế hoạch bảo vệ môi trường                                                           | 30.000.000     |                                                                                                                                                          | Đấu thầu rộng rãi trong nước (Qua mạng) | Một giai đoạn, hai túi hồ sơ  | Quý I/2020                                  |               | 20 ngày                                      |
| 9  | Cấp phép khai thác nguồn nước                                                            | 38.500.000     |                                                                                                                                                          |                                         |                               |                                             |               | 30 ngày                                      |
| 10 | Gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị                  | 555.285.000    |                                                                                                                                                          |                                         |                               |                                             |               | Đấu thầu rộng rãi trong nước                 |
| 11 | Gói thầu thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị (bao gồm chi phí hạng mục chung) | 26.110.023.000 |                                                                                                                                                          |                                         |                               | 340 ngày                                    |               |                                              |
|    | Tổng cộng                                                                                | 28.736.707.000 |                                                                                                                                                          |                                         |                               |                                             |               |                                              |

*hdu*